TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HS-ST
Ngày 13/01/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải;
2. Bà Hà Thị Dung;
3. Ông Hoàng Minh Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Miên, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà*:** Ông Bùi Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2025/TLST-HS ngày 14/11/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HS ngày 30/12/2025 đối với bị cáo:

Phan Hữu Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/12/1993; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Xóm K, xã N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn A; con bà: Triệu Thị H; vợ là Triệu Thị Q, sinh năm 1994; có 2 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Hữu Đ***:*** Ông Bùi Văn L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Triệu Thị Q, sinh năm 1994, trú tại: Xóm K, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa;

2. Bà Triệu Thị X, sinh năm 1973, trú tại: Xóm K, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Triệu Thị Q ***và*** Triệu Thị X***:*** Bà Lê Thúy H1, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh Phan Đức P, sinh năm 1989, trú tại: Xóm K, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa;

2. Anh Triệu Văn C, sinh năm 1988, trú tại: Xóm K, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/3/2025, Phan Hữu Đ sang nhà anh Phan Đức P, sinh năm 1989 cùng xóm, để hộ anh P làm cơm ăn Tết tháng 3 và sinh nhật mẹ của anh P là bà Triệu Thị Tam . Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi nấu cỗ xong thì Đ ở lại ăn cơm uống rượu tại nhà anh P. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì Đ say rượu, nên gửi xe ở lại nhà anh P và nhờ anh P đưa về. Khi về đến nhà, thì Đ xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau với vợ là chị Triệu Thị Q tại tầng 2 ngôi nhà sàn (vợ chồng Đ ở cùng mẹ vợ là bà Triệu Thị X). Trong lúc cãi, chửi nhau Đ có dùng tay phải tát vào mặt của chị Q. Do bực tức, nên chị Q đã dùng tay phải tát lại 02 nhát vào mặt của Đ và dùng chân đạp Đ ra khỏi giường. Bị vợ đánh lại, nên Đ vùng dậy lấy 01 con dao dài 34 cm, lưỡi bằng kim loại dài 21 cm, bản rộng nhất 7 cm, có chuôi gỗ để ở cạnh bên phải tủ thờ tại tầng 2, cầm dao bằng tay phải lao đến vị trí chị Q đang ngồi trên giường rồi vung dao lên chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu, cổ, lưng, cánh tay trái của chị Q. Chị Q la hét, kêu cứu thì bà X từ dưới tầng 1 đi lên. Thấy trên cơ thể chị Q có nhiều thương tích, chảy nhiều máu, bà X lao vào can ngăn và đẩy Đ ra, thì Đ tiếp tục dùng dao chém 01 nhát vào mông của chị Q. Sau đó, bà X lao vào giằng con dao ở tay của Đ nhưng không được, nên đã dìu chị Q đi xuống gian bếp dưới tầng băng bó vết thương và gọi người chị Q đi bệnh viện. Sau đó, Đ từ trên tầng cầm theo dao đi xuống, cởi chiếc áo đang mặc băng bó vết thương cho chị Q và vứt con dao vào góc bếp. Do Đ không biết băng bó, làm đau chị Q, nên bà X ngăn cản không cho Đ băng bó nữa và có lời nói chửi bới, Đ đã cầm ghế gỗ ở cạnh bếp đập 01 nhát trúng vào đầu của bà X.

Hậu quả: Bà Triệu Thị X bị 01 vết thương rách da kích thước 4cm x 1cm, được đưa đến Trạm y tế xã V sơ cứu và khâu vết thương, ngày 28/3/2025 bà X có đơn yêu cầu xử lý đối với Đ. Chị Triệu Thị Q bị các thương tích: Vùng đầu có 02 vết thương dài khoảng 4cm và 15cm sâu sát xương sọ; vùng cổ có vết thương dài 15cm, sâu khoảng1,5cm đến sát khí quản; vùng cánh tay có 02 vết thương dài khoảng 2cm và 6cm, sâu 3cm, đứt cơ đelta; vùng lưng có vết thương dài khoảng 20cm sâu 1cm; vùng mông có 01 vết thương dài khoảng 15cm, sâu 1,5cm. Các vết thương sắc nhọn chảy máu. Chị Q điều trị tại Trung tâm y tế V từ ngày 26/3/2025 đến ngày 02/4/2025 thì ra viện.

Ngày 22/8/2022 Trung tâm pháp y tỉnh T có Bản kết luận số 244/KLTTCT-TTPY, kết luận: Các kết quả chính: Sẹo vùng đỉnh chẩm trái, tỷ lệ: 2%; Sẹo vùng đỉnh chẩm phải, tỷ lệ: 1%; Sẹo vùng cổ trái trái vết 1, tỷ lệ: 6%; Sẹo vùng cổ trái vết 2, tỷ lệ: 2%; Sẹo vùng lưng phải vết 1, tỷ lệ: 3%; Sẹo cánh trái vết 1, tỷ lệ: 2%; Sẹo cánh tay trái vết 2, tỷ lệ: 1%; Sẹo vùng mông phải, tỷ lệ: 3%. Cơ chế hình thành các vết thương trên đều do tác động của vật có cạnh sắc. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Triệu Thị Q tại thời điểm giám định là 18% (mười tám phần trăm), áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư.

Ngày 09/5/2025, Trung tâm pháp y tỉnh T có Bản kết luận số 245/KLTTCT-TTPY, kết luận: Các kết quả chính: Sẹo đỉnh đầu bên phải, tỷ lệ: 1%. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Triệu Thị X tại thời điểm giám định là 1% (một phần trăm), áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật tày.

Ngày 27/8/2022 Trung tâm pháp y tỉnh T có Kết luận giám định ADN số 58/KLGDADN-TTPY, kết luận: Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người bằng Hb Card trên các mẫu cần giám định ký hiệu: M1, M2, M4, A1 kết quả: Dương tính; ADN thu được từ các mẫu cần giám định ký hiệu M1, M2, M4, A1 trùng khớp với ADN của Triệu Thị Q trên các locus STR đã so sánh.

Ngày 05/9/2025 Phòng K Công an tỉnh T có Bản kết luận giám định số 251/KL-KTHS, kết luận: Mẫu vật trong niêm phong ký hiệu VB58A1-25 gửi giám định là dao sắc thuộc phụ lục 5 "Danh mục dao có tính sát thương cao" ban hành theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C1. Trường hợp sử dụng mẫu vật gửi giám định xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người trái pháp luật, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra nghiên cứu, áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số

42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 để xác định mẫu vật trên có thuộc vũ khí quân dụng không.

Tại cơ quan điều tra, Phan Hữu Đ khai bức xúc vì bị vợ tát, không kiềm chế được, đã dùng dao chém nhiều nhát vào cơ thể của chị Triệu Thị Q. Khi thực hiện hành vi, bị cáo biết nguy hiểm đến tính mạng chị Q, nhưng vẫn thực hiện, không nghĩ đến hậu quả. Ngoài ra, bị cáo còn dùng ghế đập một nhát trúng vào đầu bà Triệu Thị X gây thương tích. Lời khai của bị cáo, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, cũng như thương tích của các bị hại.

Tại Bản cáo trạng số: 18/CT-VKSBK-P2 ngày 14/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phan Hữu Đ về tội: *"Giết người"* theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự (BLHS) và tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 134 BLHS. Điều luật có nội dung:

Điều 123. Tội giết người.

"*1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:*

...

n) Có tính chất côn đồ".

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích.

"1- Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến dưới 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Dùng... hung khí nguy hiểm...

d) Đối với ... mẹ ... của mình..."

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Đình chỉ vụ án đối với tội "Cố ý gây thương tích", do bị hại Triệu Thị X rút yêu cầu khởi tố. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Phan Hữu Đ từ 13 đến 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam. Về vật chứng: Chuyển con dao sang Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T để giải quyết theo quy định của pháp luật; các vật chứng khác không có giá trị, tịch thu tiêu huỷ. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà, bà Triệu Thị X là bị hại trong vụ án xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Phan Hữu Đ về tội "Cố ý gây thương tích", bà khẳng định việc rút yêu

cầu khởi tố đối với bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và bà không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với nội dung Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị xét xử bị cáo từ 07 đến 08 năm tù, vì bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Nhất trí với việc rút yêu cầu khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích" của bà Triệu Thị X và nội dung Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Khoảng 20 giờ ngày 26/3/2025, Phan Hữu Đ sau khi đi uống rượu về đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau với chị Triệu Thị Q (là vợ Đ). Đ đã có hành vi dùng dao dài 34cm, lưỡi dài 21cm bản rộng nhất 07cm, chuôi bằng gỗ chém nhiều nhát vào vùng trọng yếu trên cơ thể, gây thương tích cho chị Q. Hậu quả: Vùng đầu có 02 vết thương dài khoảng 4cm và 15 cm sâu sát xương sọ; vùng cổ có vết thương dài 15cm, sâu khoảng1,5cm đến sát khí quản; vùng cánh tay có 02 vêt thương dài khoảng 2cm và 6cm, sâu 3cm, đứt cơ đelta; vùng lưng có vết thương dài khoảng 20 cm sâu 1cm; vùng mông có 01vết thương dài khoảng 15 cm, sâu 1,5cm . Tỷ lệ thương tật 18%. Ngoài ra, Đ còn dùng ghế đập vào đầu gây thương tích cho bà Triệu Thị X, là mẹ vợ của Đ. Tỷ lệ thương tật 1%.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Giết người"* theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS và tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm a, d

khoản 1 Điều 134 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý bị cáo theo quy định của BLHS mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét đề nghị rút yêu cầu khởi tố của bị hại Triệu Thị X: Tại phiên tòa, bà X đề nghị rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Phan Hữu Đ về tội "Cố ý gây thương tích" và không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị hại, nên HĐXX căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 155; khoản 8 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ vụ án đối với bị cáo Phan Hữu Đ về tội "Cố ý gây thương tích". Tuy nhiên, cần kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với Đ về hành vi "Cố ý gây thương tích" trên.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên toà ngày hôm nay, chị Triệu Thị Q xác nhận đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* và *"Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại"*. Ngoài ra, bị hại trong vụ án xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối với tội "Giết người" bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, nên áp dụng Điều 15; Điều 57 BLHS để quyết định hình phạt.

Trên cơ sở xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. HĐXX thấy rằng, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội có tính chất côn đồ, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm khắc mới thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật, cũng như đảm bảo sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Triệu Thị Q không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, do vậy HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 bì niêm phong ký hiệu A bên trong có 01 con dao dài 34 cm, lưỡi dài 21cm, bản rộng nhất 7cm, có chuôi gỗ, trên dao bám dính vật

chất màu nâu đỏ rải rác là vật chứng trong vụ án "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Do vậy, cần chuyển lại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T.

Đối với 01 ghế gỗ, dài 30cm, rộng 22cm, cao 13cm, được niêm phong ký hiệu A2; 01 áo sơ mi cộc tay, được niêm phong ký hiệu VB58M4_25. Xét thấy, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Các nội dung khác của vụ án: Đối với hành vi Phan Hữu Đ sử dụng con dao có tính sát thương cao để thực hiện hành vi chém chị Triệu Thị Q, có dấu hiệu của tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo Điều 304 BLHS. Việc không xem xét trách nhiệm của bị cáo Đức là bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, ngày 12/01/2026 các Cơ quan tiến hành tố tụng đã thống nhất khởi tố Đ về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo Điều 304 BLHS. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, về việc bỏ lọt tội phạm như trên.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí. Do vậy, cần miễn án cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 155; khoản 8 Điều 157; Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận đề nghị rút yêu cầu khởi tố của bị hại Triệu Thị X đối với bị cáo Phan Hữu Đ, đình chỉ vụ án đối với tội "Cố ý gây thương tích".

Việc đình chỉ vụ án là do người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu khởi tố, không phải do việc truy tố sai. Do đó, bị cáo Phan Hữu Đ không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Kiến nghị Công an tỉnh T xem xét xử lý hành chính đối với Phan Hữu Đ về hành vi "Cố ý gây thương tích".

2. Tuyên bố bị cáo Phan Hữu Đ phạm tội "Giết người".

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Hữu Đ 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 28/3/2025.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Hữu Đ trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu và tiêu hủy: 01 ghế gỗ, dài 30cm, rộng 22cm, cao 13cm, được niêm phong ký hiệu A2; 01 áo sơ mi cộc tay, được niêm phong ký hiệu VB58M4_25.

3.2 Chuyển Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T 01 bì niêm phong ký hiệu A bên trong có 01 con dao dài 34 cm, lưỡi dài 21cm, bản rộng nhất 7cm, có chuôi gỗ, trên dao bám dính vật chất màu nâu đỏ rải rác.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng số 11, ngày 18/11/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Hữu Đ không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- Toà phúc thẩm 1 TANDTC;
- Viện phúc thẩm 1 VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng Hồ sơ CAT Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan CSĐT CAT Thái Nguyên;
- THAHS;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Khánh Phương